

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt kết quả dự án Điều tra thoái hóa đất kỳ đầu  
trên địa bàn tỉnh Đắk Nông**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 14/2012/TT-BTNMT ngày 26 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy định kỹ thuật điều tra thoái hóa đất; Thông tư số 35/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định điều tra đánh giá đất đai;

Căn cứ Công văn số 5750/BTNMT-TCQLĐĐ ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc thực hiện tổng điều tra, đánh giá tài nguyên đất đai toàn quốc;

Căn cứ Kế hoạch số 202a/KH-UBND ngày 19 tháng 04 năm 2017 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc thực hiện tổng điều tra, đánh giá tài nguyên đất đai trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

Căn cứ Quyết định số 2330/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2016 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc phê duyệt đề cương - dự toán kinh phí Điều tra thoái hóa đất kỳ đầu trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 35/TTr-STNMT ngày 18 tháng 01 năm 2018,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kết quả thực hiện dự án điều tra thoái hóa đất kỳ đầu tỉnh Đắk Nông, với các nội dung như sau:

**1. Thực trạng thoái hóa đất tỉnh Đắk Nông**

Tổng diện tích đất điều tra trên địa bàn tỉnh Đắk Nông là 606.364 ha. Trong đó, diện tích đất bị thoái hóa là 551.430 ha, chiếm 90,94%; diện tích đất không bị thoái hóa là 54.934 ha, chiếm 9,06%. Cụ thể như sau:

1/

- Diện tích đất bị thoái hóa nặng: 31.205 ha, chiếm 5,15% diện tích điều tra.  
- Diện tích đất bị thoái hóa trung bình: 242.760 ha, chiếm 40,04% diện tích điều tra.

- Diện tích đất bị thoái hóa nhẹ: 277.465 ha, chiếm 45,76% diện tích điều tra.

### **1.1. Thực trạng đất bị thoái hóa theo loại hình thoái hóa (Phụ lục 01)**

#### **a) Đất bị khô hạn:**

Trên địa bàn tỉnh có 544.270 ha đất bị khô hạn, chiếm 89,76% diện tích điều tra và có 62.094 ha không bị khô hạn, trong đó:

- Khô hạn nặng: Diện tích 6.088 ha, chiếm 1,00% diện tích điều tra. Diện tích khô hạn nặng xảy ra chủ yếu đối với đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm và tập trung ở huyện Krông Nông; huyện Cư Jút.

- Khô hạn trung bình: Diện tích 426.762 ha, chiếm 70,38% diện tích điều tra. Diện tích khô hạn trung bình xảy ra chủ yếu đối với đất chưa sử dụng, đất rừng sản xuất và tập trung ở huyện Đắk Glong; huyện Tuy Đức.

- Khô hạn nhẹ: Diện tích 111.419 ha, chiếm 18,38% diện tích điều tra. Diện tích khô hạn nhẹ xảy ra chủ yếu đối với đất rừng phòng hộ, đất trồng cây lâu năm và tập trung ở huyện Đắk R'lấp, huyện Tuy Đức.

#### **b) Đất bị suy giảm độ phì:**

Trên địa bàn tỉnh có 353.171 ha đất bị suy giảm độ phì, chiếm 58,24% diện tích điều tra và có 253.194 ha không bị suy giảm. Trong đó:

- Suy giảm độ phì nặng: Diện tích 39.965 ha, chiếm 6,59% diện tích điều tra. Diện tích suy giảm nặng xảy ra chủ yếu đối với đất trồng lúa, đất trồng cây lâu năm và tập trung ở huyện Cư Jút, huyện Đắk Mil.

- Suy giảm độ phì trung bình: Diện tích 75.736 ha, chiếm 12,49% diện tích điều tra. Diện tích suy giảm trung bình xảy ra chủ yếu đối với đất rừng sản xuất, đất trồng cây lâu năm và tập trung ở huyện Đắk Mil, huyện Cư Jút.

- Suy giảm độ phì nhẹ: Diện tích 237.470 ha, chiếm 39,16% diện tích điều tra. Diện tích suy giảm nhẹ xảy ra chủ yếu đối với đất rừng đặc dụng, đất trồng cây hàng năm khác và tập trung ở huyện Đắk Glong, huyện Tuy Đức.

#### **c) Đất bị xói mòn:**

Trên địa bàn tỉnh Đắk Nông có 553.379 ha đất bị xói mòn, chiếm 91,26% diện tích điều tra và 52.985 ha không bị xói mòn, chiếm 8,74% diện tích đất điều tra. Trong đó:

- Diện tích đất bị xói mòn mạnh có 4.192 ha, chiếm 0,69% diện tích điều tra. Diện tích xói mòn mạnh xảy ra chủ yếu đối với đất đồi núi chưa sử dụng, đất trồng cây hàng năm và tập trung ở huyện Krông Nông, huyện Đắk Glong.

- Diện tích đất bị xói mòn trung bình có 63.642 ha, chiếm 10,50% diện tích điều tra. Diện tích xói mòn trung bình xảy ra chủ yếu đối với đất đồi núi



chưa sử dụng, đất trồng cây hàng năm và tập trung ở huyện Krông Nô, huyện Đắk Glong.

- Diện tích đất bị xói mòn nhẹ có 485.546 ha, chiếm 80,07% diện tích điều tra. Diện tích xói mòn nhẹ xảy ra chủ yếu đối với đất rừng sản xuất, đất trồng cây lâu năm và tập trung ở huyện Đắk Glong, huyện Tuy Đức.

*d) Đất bị kết von:*

Trên địa bàn tỉnh Đắk Nông xuất hiện cả 3 mức độ kết von nặng, nhẹ, trung bình với diện tích 1.482 ha đất bị kết von, chiếm 0,24% diện tích điều tra và có 604.882 ha không bị kết von. Trong đó:

- Kết von nặng: Diện tích 653 ha, chiếm 0,11% diện tích điều tra. Diện tích kết von nặng xảy ra trên diện tích cây lâu năm và rừng sản xuất ở Thị xã Gia Nghĩa và huyện Đắk Mil.

- Kết von trung bình: Diện tích 198 ha, chiếm 0,03% diện tích điều tra. Diện tích kết von trung bình xảy ra trên diện tích đất trồng lúa, đất trồng cây hàng năm ở huyện Cư Jút và huyện Krông Nô.

- Kết von nhẹ: Diện tích 631 ha, chiếm 0,10% diện tích điều tra. Diện tích kết von nhẹ xảy ra trên đất trồng lúa, đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm ở địa bàn huyện Đắk Mil, huyện Cư Jút, huyện Đắk Song và huyện Krông Nô.

**1.2. Thực trạng đất bị thoái hóa theo loại đất thoái hóa (Phụ lục 02)**

*a) Đất sản xuất nông nghiệp:*

Trên địa bàn tỉnh Đắk Nông có 346.424 ha đất sản xuất nông nghiệp bị thoái hóa, chiếm 95,99% diện tích đất sản xuất nông nghiệp, trong đó:

- Thoái hóa nặng có 24.858 ha, chiếm 7,17% diện tích đất sản xuất nông nghiệp bị thoái hóa.

- Thoái hóa trung bình có 156.193 ha, chiếm 45,09% diện tích đất sản xuất nông nghiệp bị thoái hóa.

- Thoái hóa nhẹ có 165.372 ha, chiếm 47,74% diện tích đất sản xuất nông nghiệp bị thoái hóa.

*b) Đất lâm nghiệp:*

Trên địa bàn tỉnh Đắk Nông có 196.997 ha đất lâm nghiệp bị thoái hóa, chiếm 84,01% diện tích đất lâm nghiệp, trong đó:

- Thoái hóa nặng có 5.770 ha, chiếm 2,93% diện tích đất lâm nghiệp bị thoái hóa.

- Thoái hóa trung bình có 82.010 ha, chiếm 41,63% diện tích đất lâm nghiệp bị thoái hóa.

- Thoái hóa nhẹ có 109.218 ha, chiếm 55,44% diện tích đất lâm nghiệp bị thoái hóa.

*c) Đất nuôi trồng thủy sản:*

Trên địa bàn tỉnh Đắk Nông có 2.834 ha đất nuôi trồng thủy sản. Tuy nhiên, đây là loại sử dụng đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản nên chất lượng đất, mức độ suy giảm độ phì không ảnh hưởng nhiều đến loại sử dụng đất này vì vậy không đánh giá đất bị suy giảm độ phì. Đồng thời, không xảy ra hiện tượng đất bị khô hạn, kết von, đá ong hóa nên không tổng hợp kết quả đánh giá thoái hóa đất chung.

*d) Đất nông nghiệp khác:*

Trên địa bàn tỉnh Đắk Nông có 273 ha đất nông nghiệp khác bị thoái hóa, chiếm 100% diện tích đất nông nghiệp khác, trong đó:

- Thoái hóa nặng và thoái hóa trung bình không xảy ra.
- Thoái hóa nhẹ có 273 ha, chiếm 100% diện tích đất nông nghiệp khác bị thoái hóa.

*e) Đất đồi núi chưa sử dụng:*

Diện tích đất đồi núi chưa sử dụng bị thoái hóa trên địa bàn tỉnh Đắk Nông là 7.737 ha, chiếm 98,45% diện tích đất đồi núi chưa sử dụng, trong đó:

- Diện tích đất bị thoái hóa nặng có 577 ha, chiếm 7,46% diện tích đất đồi núi chưa sử dụng bị thoái hóa.
- Diện tích đất bị thoái hóa trung bình có 4.557 ha, chiếm 58,91% diện tích đất đồi núi chưa sử dụng bị thoái hóa.
- Diện tích đất bị thoái hóa nhẹ có 2.602 ha, chiếm 33,63% diện tích đất đồi núi chưa sử dụng bị thoái hóa.

**1.3. Thực trạng thoái hóa đất tại các huyện, thị xã (Phụ lục 03)**

- Thị xã Gia Nghĩa: Có 23.372 ha đất bị thoái hóa, chiếm 97,22% diện tích điều tra của Thị xã.
- Huyện Đắk Glong: Có 111.520 ha đất bị thoái hóa, chiếm 82,04% diện tích điều tra của huyện.
- Huyện Đắk Mil: Có 59.121 ha đất bị thoái hóa, chiếm 91,83% diện tích điều tra của huyện.
- Huyện Đắk R'lấp: Có 56.784 ha đất bị thoái hóa, chiếm 98,74% diện tích điều tra của huyện.
- Huyện Đắk Song: Có 72.168 ha đất bị thoái hóa, chiếm 95,33% diện tích điều tra của huyện.
- Huyện Cư Jút: Có 61.512 ha đất bị thoái hóa, chiếm 91,19% diện tích điều tra của huyện.
- Huyện Krông Nô: Có 60.849 ha đất bị thoái hóa, chiếm 82,07% diện tích điều tra của huyện.
- Huyện Tuy Đức: Có 106.105 ha đất bị thoái hóa, chiếm 98,98% diện



tích điều tra của huyện.

## **2. Nguyên nhân thoái hóa đất**

### **2.1. Nguyên nhân khách quan**

Bao gồm các nguyên nhân về địa hình, khí hậu, thủy văn, loại đất,... Đây là nguyên nhân có ảnh hưởng lớn đến mức độ thoái hóa đất của tỉnh.

- Địa hình: Một số khu vực có địa hình cao, độ dốc lớn, khó áp dụng các biện pháp canh tác trên đất dốc nên ảnh hưởng lớn đến khả năng xói mòn của đất, làm suy giảm độ phì nhiêu của đất.

- Khí hậu: Khí hậu Đắk Nông chia hai mùa rõ rệt. Mùa mưa lượng mưa lớn, tập trung. Mùa khô lượng mưa ít, nhiệt độ không khí cao, lượng bốc hơi lớn. Sự chênh lệch nhiệt độ giữa ngày và đêm lớn làm cho đá mẹ và khoáng vật bị phong hóa mạnh mẽ. Sự thay đổi đột ngột của nhiệt độ ảnh hưởng lớn đến hệ vi sinh vật đất, quá trình phân giải chất hữu cơ và tính chất đất. Lượng mưa lớn và tập trung làm nước mưa không kịp thấm xuống đất, xuất hiện hiện tượng chảy tràn trên bề mặt gây xói mòn bề mặt đất. Đặc biệt, ở những vùng đất dốc, độ che phủ thấp.

- Thủy văn: Đắk Nông với đặc điểm hệ thống sông suối dày đặc. Chế độ dòng chảy của các sông suối của tỉnh Đắk Nông được chia làm 2 mùa rõ rệt, mùa lũ và mùa cạn. Mùa lũ trùng với mùa mưa, với hơn 80% lượng mưa cả năm gây ra những trận lũ lớn, gây xói mòn, rửa trôi đất. Ngược lại, mùa khô lượng mưa ít chỉ gần 20% lượng mưa cả năm làm cho đất đai trở lên khô hạn.

### **2.2. Nguyên nhân chủ quan**

- Công tác quản lý đất đai:

Việc phát triển nhanh, không theo quy hoạch các loại cây công nghiệp lâu năm đã làm cho diện tích rừng ngày càng bị thu hẹp. Việc khai thác các loại lâm sản quý hiếm đã làm mất đi sự đa dạng sinh học của rừng. Ảnh hưởng trực tiếp đến độ che phủ rừng làm cho quá trình xói mòn đất xảy ra mạnh hơn.

Trên những diện tích đất sản xuất nông nghiệp, do phát triển các loại cây công nghiệp lâu năm không theo quy hoạch, giá trị sản phẩm đầu ra bấp bênh, việc chuyển đổi cây trồng làm cho bề mặt đất thường xuyên bị trơ trụi. Đó là một trong những nguyên nhân gây xói mòn đất mạnh hơn. Mặt khác, trong quá trình canh tác việc bón phân không cân đối, lạm dụng thuốc bảo vệ thực vật, thuốc kích thích sinh trưởng làm cho đất ngày càng trở nên chai cứng, bị chua hóa và ô nhiễm.

- Quá trình sử dụng đất:

Đặc điểm và phương thức sử dụng đất ảnh hưởng đến thoái hóa: Với mỗi một phương thức sử dụng đất khác nhau sẽ có những ảnh hưởng khác nhau đến quá trình thoái hóa đất. Trong đó, phương thức canh tác cây lâu năm có ảnh hưởng nhiều nhất đến khả năng thoái hóa, do quá trình canh tác có chế độ bón phân không hợp lý, sử dụng quá nhiều phân bón hóa học, thuốc bảo vệ thực vật



chủ yếu là các loại mang độc tính cao. Do vậy trên phương thức canh tác này đất thường bị ô nhiễm, suy giảm độ phì nhiêu. Với phương thức canh tác chuyên màu. Đây là khu vực sử dụng sức sản xuất của đất là chủ yếu. Bón phân bổ sung rất ít gần như là không có. Loại cây trồng chủ yếu là những loại cây trồng có độ che phủ thấp, khả năng giữ ẩm cho đất kém. Do đó, ở những khu vực này đất thường bị khô hạn nghiêm trọng đặc biệt là về mùa khô, về mùa mưa thường xảy ra hiện tượng xói mòn bề mặt do lượng mưa lớn và tập trung.

Quá trình khai thác, sử dụng tài nguyên rừng: Với việc chuyển đổi mạnh diện tích rừng sang trồng cây lâu năm với phương thức canh tác không hợp lý làm cho diện tích rừng bị suy giảm, cùng với đó là hiện tượng chặt phá rừng vẫn xảy ra. Đồng thời một số diện tích rừng có thảm thực vật thưa, tầng đất mỏng, cùng với lượng mưa lớn, tập trung làm cho quỹ đất bị xói mòn, rửa trôi mạnh.

Áp lực sử dụng đất do quá trình đô thị hóa, tăng trưởng kinh tế và gia tăng dân số: Tình trạng dân di cư tự do từ các tỉnh phía Bắc vào tỉnh Đắk Nông, cùng với dự gia tăng dân số tự nhiên của tỉnh, đặc biệt ở các khu vực đồng bào dân tộc thiểu số đã kéo theo nhu cầu về đất đai xây dựng nhà cửa, đất đai canh tác sản xuất lớn. Đồng thời, giá cả một số mặt hàng nông sản có xu hướng tăng trong những năm gần đây, trong khi đó quỹ đất có hạn, làm cho tình trạng người dân phá rừng làm nương rẫy tăng lên. Rừng bị mất, kéo theo mức độ đất bị xói mòn do mưa tăng lên, lũ lụt, hạn hán xảy ra thường xuyên hơn, từ đó tăng nguy cơ đất bị thoái hóa. Trong nông nghiệp, quá trình canh tác chế độ luân canh cây trồng không hợp lý, thâm canh quá mức, lạm dụng phân bón hóa học thuốc bảo vệ thực vật đã làm cho đất bị ảnh hưởng tiêu cực như: chua hóa, chai cứng, suy giảm độ phì nhiêu.

### **3. Giải pháp giảm thiểu thoái hóa đất**

#### **3.1. Giải pháp về chính sách**

- Khuyến khích khai hoang, phủ xanh đất trống đồi núi trọc, nuôi trồng thủy sản trên mặt nước hoang hóa nhằm thúc đẩy việc đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng bằng các chính sách ưu đãi về thuế, ngân hàng, hỗ trợ kinh phí cho các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội các huyện khó khăn của tỉnh.

- Bổ sung đánh giá môi trường chiến lược và lồng ghép các yếu tố môi trường trong quy hoạch sử dụng đất cấp huyện. Việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, chuyển mục đích sử dụng đất phải quan tâm đến môi trường đất, đặc biệt là diện tích đất đã bị thoái hóa.

- rà soát, bổ sung và xây dựng mới các văn bản pháp luật, xây dựng các chính sách về nông nghiệp và nông thôn theo hướng hỗ trợ để chủ động ứng phó và khắc phục hậu quả của thoái hóa đất.

- Đề xuất các dự án và tranh thủ các nguồn hỗ trợ của các nhà tài trợ, các tổ chức quốc tế, đưa thoái hóa đất vào danh mục các dự án ưu tiên.

#### **3.2. Giải pháp về quản lý, sử dụng đất**

##### **a) Giải pháp về quy hoạch sử dụng đất**



- Quá trình lập quy hoạch sử dụng đất phải sát với thực tế và phải có chế tài quản lý việc thực hiện quy hoạch, tránh chông chéo giữa các loại quy hoạch, tránh phá vỡ quy hoạch đã được phê duyệt.

- Quy hoạch sử dụng đất phải dựa trên cơ sở đánh giá tiềm năng đất đai (đất đã thoái hóa, mức độ thoái hóa) diện tích đất chưa thoái hóa để lựa chọn phương án bố trí sử dụng đất hợp lý, bền vững.

#### *b) Giải pháp về quản lý và sử dụng đất*

Để có thể sử dụng đất hợp lý cần xác định hướng chuyển dịch cơ cấu cây trồng phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của từng địa phương trong tỉnh nhằm khắc phục tình trạng bất hợp lý trong sử dụng đất, thích ứng với các điều kiện sản xuất bất lợi như hạn hán, thiếu nước và thoái hóa đất.

#### *c) Giải pháp phát triển nông, lâm nghiệp bền vững thích ứng với biến đổi khí hậu*

Để phát triển nông, lâm nghiệp bền vững thích ứng với biến đổi khí hậu phải thực hiện:

- Thích ứng để phát triển: Đối phó với tình trạng hạn hán kéo dài, tình trạng xói mòn bề mặt bằng giải pháp chuyển đổi cơ cấu cây trồng, áp dụng phương pháp canh tác trên đất dốc đã được thực hiện và bước đầu có hiệu quả. Tại những vùng khô hạn, thiếu nước ngọt, các giống cây trồng có khả năng chịu hạn tốt được đưa vào trồng đại trà. Tại các vùng xói mòn, các phương pháp canh tác theo băng, hàng, hố dạng vẩy cá,... được áp dụng đem lại hiệu quả chống xói mòn tốt. Ngoài ra, cần cải tiến kỹ thuật sử dụng phân bón, kỹ thuật trồng ngô xen đậu xanh thích ứng hạn, ủ phân hữu cơ từ phụ phẩm,...

- Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao: Ứng dụng công nghệ cao vào nông nghiệp sẽ góp phần phát triển nông nghiệp bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu. Một số công nghệ tiên tiến được phát triển phục vụ sản xuất như: công nghệ mô hom nhân giống cây lâm nghiệp, công nghệ sản xuất rau an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP, công nghệ tưới nước tiết kiệm cho cây trồng, công nghệ che phủ nilon cho một số cây trồng, công nghệ thủy canh sản xuất rau trong nhà lưới,...

### **3.3. Giải pháp về kinh tế, tài chính**

- Tập trung các nguồn vốn đầu tư để phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp như các công trình thủy lợi, cơ sở chế biến nông sản,... nhằm tạo điều kiện nâng cao hệ số sử dụng đất; ổn định và phát triển sản xuất nông nghiệp, trước hết là sản xuất lương thực, đồng thời tạo điều kiện góp phần thực hiện chương trình phát triển kinh tế - xã hội khác như xóa đói giảm nghèo, bảo vệ và cải tạo môi trường.

- Tăng vốn tín dụng, trợ giá cho người dân, đặc biệt với nông dân vùng sâu, vùng xa để họ có vốn đầu tư thâm canh cây trồng góp phần ổn định và duy trì đời sống; đồng thời có giải pháp hợp lý nhằm đảm bảo an ninh lương thực



cho đồng bào dân tộc ít người và miền núi. Thực hiện việc trợ giá đối với một số mặt hàng nông sản nhằm giúp nông dân có thu nhập thỏa đáng để tăng khả năng sử dụng đất hợp lý và có hiệu quả.

### **3.4. Giải pháp về khoa học và công nghệ**

- Áp dụng tiến bộ kỹ thuật cho phù hợp với tình hình cơ bản về đất đai, khí hậu, thời tiết, điều kiện kinh tế - xã hội của từng địa phương. Đồng thời, cần xây dựng các mô hình trình diễn trên từng tiểu vùng sinh thái.

- Thận trọng khi chuyển giao những công nghệ, kỹ thuật phức tạp, yêu cầu đầu tư cao, kỹ năng thực hành và quản lý phức tạp. Mỗi tiến bộ khoa học được lựa chọn phải thích ứng đầy đủ các điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, phong tục tập quán của từng địa phương, từng nhóm dân tộc.

- Có chính sách khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi để đưa kỹ thuật tiên tiến vào sản xuất, đặc biệt ưu tiên cho các vùng sản xuất còn nhiều khó khăn, vùng sâu, vùng xa.

### **3.5. Giải pháp về tăng cường công tác khuyến nông, khuyến lâm, tuyên truyền nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường**

Công tác quản lý môi trường được đặt ra từ khâu tuyên truyền giáo dục ý thức và trách nhiệm bảo vệ môi trường cho mọi tổ chức, cá nhân ngày càng được mở rộng. Thực hiện đánh giá tác động môi trường đã là một trong những nội dung bắt buộc của các dự án đầu tư. Đưa nội dung bảo vệ môi trường vào quy chế xây dựng thôn, buôn, bon, khu dân cư văn hóa,... xây dựng quy chế bảo vệ môi trường và chiến lược bảo vệ môi trường địa phương.

### **3.6. Giải pháp về đào tạo nâng cao năng lực của cơ quan quản lý và cơ quan nghiên cứu, sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực tại chỗ**

- Đào tạo nguồn nhân lực có trình độ và hiểu biết sâu rộng về thoái hóa đất, đặc biệt là tác động của thoái hóa đất tới ngành nông nghiệp nói chung và trồng trọt nói riêng ở cơ quan quản lý, các tổ chức khuyến nông.

- Tăng cường công tác nghiên cứu khoa học, đánh giá tác động bất lợi các biểu hiện của thoái hóa đất đến sản xuất nông nghiệp làm cơ sở cho những sáng kiến, quyết định và giải pháp kịp thời trong sản xuất. Từng bước hình thành hệ thống các đơn vị có lĩnh vực nghiên cứu chuyên sâu về thoái hóa đất và các tác động của thoái hóa đất.

## **4. Các sản phẩm của dự án**

a) Báo cáo thuyết minh tổng hợp dự án “Điều tra thoái hóa đất kỳ đầu trên địa bàn tỉnh Đắk Nông” kèm theo Hướng dẫn quy trình kỹ thuật giám thiểu thoái hóa đất theo loại hình và loại đất thoái hóa.

b) Bản đồ thoái hóa đất kỳ đầu của tỉnh Đắk Nông, tỷ lệ 1:100.000.

c) Các bản đồ chuyên đề tỷ lệ 1:100.000.

- Bản đồ thổ nhưỡng (bản đồ đất).



- Bản đồ độ phì nhiêu của đất.
- Bản đồ loại sử dụng đất nông nghiệp.
- Bản đồ đất bị suy giảm độ phì.
- Bản đồ đất bị xói mòn do mưa.
- Bản đồ đất bị khô hạn, hoang mạc hóa, sa mạc hóa.
- Bản đồ đất bị kết von, đá ong hóa.

**Điều 2. Tổ chức thực hiện.**

1. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường công bố kết quả điều tra thoái hóa đất kỳ đầu tỉnh Đắk Nông theo quy định.

2. Các Sở, Ban, ngành có liên quan và UBND các huyện, thị xã căn cứ kết quả điều tra thoái hóa đất kỳ đầu tỉnh Đắk Nông có trách nhiệm quản lý, hướng dẫn người sử dụng đất khai thác, sử dụng hợp lý, bền vững, giảm thiểu tối đa thoái hóa đất trên địa bàn.

**Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.**

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Khoa học và Công nghệ, Công Thương, Xây dựng, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thông tin và Truyền thông; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Đắk Nông; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / N2

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu VT, TH, KTKH, CTTĐT, NN(Tha).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT. CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Trần Xuân Hải**



**DIỆN TÍCH ĐẤT BỊ THOÁI HÓA THEO LOẠI HÌNH THOÁI HÓA, LOẠI ĐẤT THOÁI HÓA VÀ THEO ĐƠN VỊ  
HÀNH CHÍNH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK NÔNG**

*(Kèm theo Quyết định số: 243/QĐ-UBND ngày 8/02/2018 của UBND tỉnh Đắk Nông)*

**Phụ lục 01: Diện tích đất bị thoái hóa chia theo loại hình thoái hóa**

*Đơn vị tính: ha*

TT	Đơn vị hành chính	Diện tích đất bị thoái hóa												Chia theo loại hình thoái hóa																	
		Trong đó						Đất bị suy giảm độ phì						Đất bị xói mòn						Đất bị khô hạn						Đất bị kết vón					
		Nặng	Trung bình	Nặng	Trung bình	Nặng	Trung bình	Nặng	Trung bình	Nặng	Trung bình	Nặng	Trung bình	Nặng	Trung bình	Nặng	Trung bình	Nặng	Trung bình	Nặng	Trung bình	Nặng	Trung bình								
	<b>Tổng</b>	277.465	242.760	31.205	75.736	39.965	485.546	63.642	4.192	111.419	426.762	6.088	551.430	237.470	75.736	39.965	237.470	75.736	39.965	485.546	63.642	4.192	111.419	426.762	6.088	631	198	653			
1	Toàn tỉnh	7.007	14.272	2.093	10.251	2.328	21.640	1.789	0	2.445	20.624	0	23.372	5.703	10.251	2.328	21.640	1.789	0	2.445	20.624	0	2.445	20.624	0	0	0	92			
2	Huyện Đắk Glong	39.723	70.954	843	10.254	1.061	90.065	24.483	267	14.937	96.316	0	111.520	89.194	10.254	1.061	90.065	24.483	267	14.937	96.316	0	14.937	96.316	0	0	0	0			
3	Huyện Đắk Mil	28.771	24.886	5.464	22.068	7.572	60.710	650	0	8.634	49.305	0	59.121	8.782	22.068	7.572	60.710	650	0	8.634	49.305	0	8.634	49.305	0	23	0	561			
4	Huyện Đắk R'lấp	35.200	18.982	2.602	8.150	5.360	50.171	1.303	0	22.456	31.704	0	56.784	21.354	8.150	5.360	50.171	1.303	0	22.456	31.704	0	22.456	31.704	0	0	0	0			
5	Huyện Đắk Song	49.383	19.080	3.704	3.437	3.978	73.249	534	0	15.893	56.182	0	72.168	21.914	3.437	3.978	73.249	534	0	15.893	56.182	0	15.893	56.182	0	33	0	0			
6	Huyện Cư Jút	28.223	25.724	7.565	17.445	10.914	59.623	1.756	0	7.169	51.956	654	61.512	13.096	17.445	10.914	59.623	1.756	0	7.169	51.956	654	7.169	51.956	654	49	175	0			
7	Huyện Krông Nô	29.991	23.878	6.979	2.841	5.716	40.251	17.801	3.925	7.775	47.520	5.435	60.849	24.109	2.841	5.716	40.251	17.801	3.925	7.775	47.520	5.435	7.775	47.520	5.435	526	24	0			
8	Huyện Tuy Đức	59.167	44.983	1.956	1.291	3.036	89.838	15.326	0	32.111	73.155	0	106.105	53.319	1.291	3.036	89.838	15.326	0	32.111	73.155	0	32.111	73.155	0	0	0	0			

10h





## Phụ lục 02: Diện tích đất bị thoái hóa chia theo loại đất thoái hóa

Đơn vị tính: ha

TT	Đơn vị hành chính	Diện tích đất bị thoái hóa									Chia theo loại đất														
		Trong đó			Đất sản xuất nông nghiệp			Đất lâm nghiệp			Đất nuôi trồng thủy sản			Đất nông nghiệp khác			Đất bằng chưa sử dụng			Đất đồi núi chưa sử dụng					
		Nhẹ	Trung bình	Nặng	Nhẹ	Trung bình	Nặng	Nhẹ	Trung bình	Nặng	Nhẹ	Trung bình	Nặng	Nhẹ	Trung bình	Nặng	Nhẹ	Trung bình	Nặng	Nhẹ	Trung bình	Nặng			
	<b>Tổng</b>																								
	Toàn tỉnh	551.430	277.465	242.760	31.205	165.372	156.193	24.858	109.218	82.010	5.770	0	0	0	273	0	0	0	0	0	0	0	2.602	4.557	577
1	Thị xã Gia Nghĩa	23.372	7.007	14.272	2.093	6.759	12.336	2.093	0	1.936	0	0	0	125	0	0	0	0	0	0	0	123	0	0	0
2	Huyện Đắk Glong	111.520	39.723	70.954	843	14.704	41.520	648	24.496	26.956	0	0	0	37	0	0	0	0	0	0	0	485	2.478	195	
3	Huyện Đắk Mil	59.121	28.771	24.886	5.464	21.081	14.100	3.905	7.680	10.571	1.559	0	0	10	0	0	0	0	0	0	0	0	0	215	0
4	Huyện Đắk R'lấp	56.784	35.200	18.982	2.602	22.398	18.512	2.514	12.779	380	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	23	91	88	
5	Huyện Đắk Song	72.168	49.383	19.080	3.704	37.986	12.370	148	11.218	6.697	3.461	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	180	14	95	
6	Huyện Cư Jút	61.512	28.223	25.724	7.565	12.030	9.504	7.565	16.037	15.869	0	0	0	101	0	0	0	0	0	0	0	54	351	0	
7	Huyện Krông Nô	60.849	29.991	23.878	6.979	23.581	20.088	6.337	6.388	2.968	443	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	22	822	199	
8	Huyện Tuy Đức	106.105	59.167	44.983	1.956	26.833	27.763	1.650	30.620	16.634	306	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1.714	586	0	

116



**Phụ lục 03: Diện tích đất bị thoái hóa theo đơn vị hành chính**

Đơn vị tính: ha

STT	Tên huyện	Diện tích điều tra	Diện tích đất bị thoái hóa			Diện tích đất không bị thoái hóa	
			Tổng	Thoái hóa nặng	Thoái hóa trung bình		Thoái hóa nhẹ
1	TX Gia Nghĩa	24.041	23.372	2.093	14.272	7.007	668
2	Huyện Đắk Glong	135.939	111.520	843	70.954	39.723	24.418
3	Huyện Đắk Mil	64.381	59.121	5.464	24.886	28.771	5.260
4	Huyện Đắk R'lấp	57.507	56.784	2.602	18.982	35.200	723
5	Huyện Đắk Song	75.703	72.168	3.704	19.080	49.383	3.535
6	Huyện Cư Jút	67.456	61.512	7.565	25.724	28.223	5.944
7	Huyện Krông Nô	74.142	60.849	6.979	23.878	29.991	13.293
8	Huyện Tuy Đức	107.196	106.105	1.956	44.983	59.167	1.092
<b>Tổng</b>		<b>606.364</b>	<b>551.430</b>	<b>31.205</b>	<b>242.760</b>	<b>277.465</b>	<b>54.934</b>
<b>Tỷ lệ (%) diện tích điều tra</b>		<b>100,00</b>	<b>90,94</b>	<b>5,15</b>	<b>40,04</b>	<b>45,76</b>	<b>9,06</b>